

Bản án số: 122/2023/HC-PT

Ngày 21-4-2023.

V/v: Khiếu kiện hành vi hành
chính trong lĩnh vực cấp Giấy
chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Ông **Đinh Phước Hòa.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành An** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 21-4-2023, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 69/2022/TLPT-HC ngày 18-02-2022 về “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST ngày 20-01-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1033/2023/QĐ-PT ngày 04-4-2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

1. Bà Đoàn Phan Kim Đ, sinh năm 1975; nơi đăng ký NKTT: thành phố Đà Nẵng; địa chỉ liên hệ: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Phan Quang C, sinh năm 1966; nơi đăng ký NKTT: thành phố Đà Nẵng; địa chỉ liên hệ: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Phan Kim Đ (Giấy ủy quyền ngày 11-11-2022): Ông **Phan Quang C**, sinh năm 1966; nơi đăng ký NKTT: thành phố Đà Nẵng; địa chỉ liên hệ: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Luật sư **Trần Văn C** - Văn phòng Luật sư Ngô Đức N; địa chỉ: tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

Người bị kiện:

Phòng Đăng ký kinh doanh, thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Huỳnh Văn M** - Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Đăng ký kinh doanh, thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

1. C ty Cổ phần Đ; địa chỉ trụ sở chính: tỉnh Quảng Nam.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Nguyễn Văn Q** - Chức vụ: Giám đốc công ty, vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Luật sư **Nguyễn Văn H** - C ty Luật TNHH T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam; địa chỉ liên hệ: tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên tòa.

2. Ông **Đỗ Như Q**, sinh năm 1964; nơi đăng ký NKTT: Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

3. Ông **Nguyễn An H**, sinh năm 1978; nơi đăng ký NKTT: thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

4. Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1971; nơi đăng ký NKTT: Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của C ty Cổ phần Đ; của ông Nguyễn Văn Q, ông Đỗ Như Q và ông Nguyễn An H:*

Ông **Trịnh Anh H**, sinh năm 1973, địa chỉ cư trú: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện trình bày:

Ông Phan Quang C và bà Đoàn Phan Kim Đ là cổ đông sáng lập của C ty Cổ phần Đ (sau đây viết tắt là C ty Đ) thành lập ngày 05-6-2006, có trụ sở chính tại tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam (sau đây viết tắt là Phòng ĐKKD) cấp ngày 20-4-2011, với số cổ phần là 825.000 cổ phần, tương đương 8,25 tỷ đồng. Đầu năm 2013, bà Đ phát hiện toàn bộ cổ phần của mình tại C ty Đ đã bị giả mạo chữ ký trong Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 01/01-HĐCN/2012, số 02/01-HĐCN/2012 cùng ngày 01-01-2012 và Phiếu chi số 03/PC ngày 01-01-2012 để làm các thủ tục thông báo thay đổi đăng ký doanh nghiệp lần thứ 8 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam (sau đây viết tắt là Sở KH&ĐT), ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của bà. Với các giấy tờ giả mạo trên, C ty Đ đã được Phòng ĐKKD cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 8) ngày 12-01-2012, loại bỏ tên bà trong danh sách cổ đông của công ty.

Ngày 04-4-2012, ông Phan Quang C bị ép phải ký Hợp đồng chuyển nhượng

phần vốn góp số 05/01-HĐCN/2012 với ông Nguyễn An H và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 04/01-HĐCN/2012 với ông Đỗ Như Q. Khi hợp đồng đã ký xong, ông H và ông Q không thực hiện việc thanh toán theo hợp đồng và các khoản thanh toán khác. Tháng 5-2013, ông C được biết, sau khi ký Hợp đồng chuyển nhượng ngày 04-4-2012, ông Q và ông H đã câu kết với ông Nguyễn Văn Q lập Phiếu chi số 617/PC ngày 04-4-2012 giả mạo chữ ký của ông C ở phần “Người nhận tiền” để hợp thức hóa hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 20-4-2012, đẩy ông C ra khỏi danh sách cổ đông của công ty, chiếm đoạt toàn bộ tài sản của ông C có trong công ty.

Sau khi biết sự việc, ông Phan Quang C và bà Đoàn Phan Kim Đ khiếu nại đến Phòng ĐKKD đề nghị thu hồi lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 8, 9, 10) của C ty Đ và khôi phục lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 7). Mặc dù, nhiều lần làm việc với Phòng ĐKKD và Lãnh đạo Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam, nhưng không được giải quyết.

Việc Phòng ĐKKD cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 8, 9, 10) cho C ty Đ đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục và các quy định của pháp luật tại Điều 38, 40 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15-4-2010 của Chính phủ (không có Biên bản họp đại hội đồng cổ đông); các Phiếu chi lập ngày 01-01-2012 có nội dung công ty là người chi các khoản tiền để chi trả tiền cho các hợp đồng chuyển nhượng giữa ông C, bà Đ với ông Q, ông Q và ông H là không đúng nguyên tắc “Bên nhận chuyển nhượng cổ phần là cá nhân không thể dùng tài sản của công ty để thanh toán cho bên chuyển nhượng”; Hợp đồng chuyển nhượng và Phiếu chi số 03/PC lập ngày 01-01-2012 giữa bà Đ và ông Q, ông H là hoàn toàn giả mạo, đã được Phòng Kỹ thuật hình sự C an tỉnh Quảng Nam kết luận tại Văn bản số 512/GĐ-PC54.

Sau khi bà Đoàn Phan Kim Đ khởi kiện vụ án yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 8), do Phòng ĐKKD thuộc Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam cấp cho C ty Đ ngày 12-01-2012; ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 10), do Phòng ĐKKD thuộc Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam cấp cho C ty Đ ngày 20-4-2012, thì bà Đ được biết C ty Đ đã được Phòng ĐKKD cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 9) ngày 01-02-2012; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 10) ngày 20-4-2012 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 11) ngày 16-01-2014; ông C được biết C ty Đ đã được Phòng ĐKKD cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 11) ngày 16-01-2014.

Ông, bà (C, Đ) là cổ đông hợp pháp của C ty Đ, hồ sơ đăng ký thay đổi doanh nghiệp lần thứ 8 không có Biên bản họp đại hội đồng cổ đông, tài liệu trong hồ sơ làm giả chữ ký của ông, bà và ông, bà chưa từng được họp bàn về việc thay đổi đăng ký doanh nghiệp các lần 8, 9, 10 và 11 của C ty Đ. Do vậy, việc Phòng ĐKKD cấp Giấy chứng nhận các lần thay đổi cho C ty Đ là không đúng quy định. Vì vậy, ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 8) ngày 12-01-2012, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi

lần thứ 9) ngày 01-02-2012, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 10) ngày 20-4-2012 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 11) ngày 16-01-2014 do Phòng ĐKKD, thuộc Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam cấp cho C ty Đ.

Quá trình Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết lại vụ án, ông Phan Quang C và bà Đoàn Phan Kim Đ có yêu cầu khởi kiện bổ sung: Hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 14-3-2014 và thay đổi lần thứ 13 ngày 21-3-2018, do Phòng ĐKKD, thuộc Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam cấp cho C ty Đ.

Người bị kiện trình bày:

Đối với việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp lần thứ 8 ngày 12-01-2012 của C ty Đ, thì Phòng ĐKKD, thuộc Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam chỉ chứng nhận thay đổi tỷ lệ vốn góp của cổ đông sáng lập là ông Phan Quang C từ 60% xuống còn 25% và hồ sơ đăng ký thay đổi được thực hiện theo Điều 40 Nghị định số 143/2010/NĐ-CP ngày 15-4-2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15-4-2010 của Chính phủ thì Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của doanh nghiệp xảy ra trước và sau khi đăng ký doanh nghiệp. Người thành lập doanh nghiệp tự kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.

Tại thời điểm đăng ký thay đổi lần thứ 8 về nội dung đăng ký doanh nghiệp, bà Đoàn Phan Kim Đ là cổ đông phổ thông của C ty Đ nên được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông theo điểm d khoản 1 Điều 79 của Luật Doanh nghiệp và được thể hiện tại sổ đăng ký cổ đông của công ty. Theo quy định tại khoản 4 Điều 86 của Luật Doanh nghiệp thì cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó. Bà Đ là cổ đông phổ thông được tự do chuyển nhượng tại công ty và không có tên trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 7 và lần thứ 8.

Ông Phan Quang C, bà Đoàn Phan Kim Đ cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 8, 9, 10 là có giả mạo hồ sơ. Do đó, Phòng ĐKKD đã có văn bản gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra C an tỉnh Quảng Nam để xác minh và C an tỉnh Quảng Nam đã có Văn bản số 108/CAT-PC46 ngày 30-12-2013. Căn cứ kết luận tại Văn bản số 108/CAT-PC46, Phòng ĐKKD ban hành Thông báo số 09/TB-ĐKKD ngày 06-01-2014 về vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp phải thu hồi. Ngày 16-01-2014, Phòng ĐKKD ban hành Quyết định số 26/QĐ-ĐKKD về việc hủy bỏ các lần đăng ký kinh doanh lần 8, 9, 10 của C ty Đ và khôi phục lại giá trị của Giấy đăng ký lần 7. Sau đó, Phòng ĐKKD nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của C ty Đ, nên Phòng ĐKKD đã cấp lại Giấy chứng nhận đăng

ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 cho C ty Đ. Việc thực hiện các quy trình trên của Phòng ĐKKD đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15-4-2010 của Chính phủ và Thông tư số 01/2013/TT-BKHĐT ngày 21-01-2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ông Phan Quang C, bà Đoàn Phan Kim Đ khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 8 ngày 12-01-2012; thay đổi lần thứ 9 ngày 01-02-2012; thay đổi lần thứ 10 ngày 20-4-2012 và thay đổi lần thứ 11 ngày 16-01-2014 cấp cho C ty Đ của Phòng ĐKKD là không có căn cứ, vì 03 lần 8, 9, 10, Phòng ĐKKD đã hủy bỏ, còn lần thứ 11 là đúng pháp luật, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 14-3-2014 và thay đổi lần thứ 13 ngày 21-3-2018 cấp cho C ty Đ, Phòng ĐKKD đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. C ty Cổ phần Đ trình bày:

C ty Cổ phần Đ được thành lập ngày 05-6-2006, có vốn điều lệ là 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng). Ngày 10-02-2011, C ty Đ thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 6, tăng vốn điều lệ lên 15.000.000.000 đồng, toàn bộ tiền vốn này thuộc về sở hữu của ông Phan Quang C. Theo quy định của pháp luật, loại hình doanh nghiệp C ty Cổ phần phải có từ 03 cổ đông trở lên, do đó ông C đã tự ghi thêm tên bà Đoàn Phan Kim Đ có 05% vốn điều lệ và ghi thêm ông Trần C I có 25% vốn điều lệ. Ngày 20-4-2011, C ty Đ thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 7, tăng vốn điều lệ lên 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ đồng), do ông C và bà Đ góp 02 lô đất số 08, số 09 H, quận S, thành phố Đà Nẵng, theo đó ông C được sở hữu thêm 25% cổ phần, bà Đ được sở hữu 25% cổ phần. Ngày 27-8-2013, ông C, bà Đ đã rút toàn bộ vốn góp là 02 lô đất số 08, 09 H, tương đương với 50% vốn điều lệ để bán cho C ty TNHH L, với giá 25.430.000.000 đồng, khoản tiền này ông C, bà Đ đã nhận đủ và có giấy xác nhận và cam kết không khiếu nại hay khởi kiện về sau. Năm 2012, ông C, bà Đ đã ký các hợp đồng chuyển nhượng vốn góp cho ông Nguyễn Văn Q, ông Đỗ Như Q, ông Nguyễn An H và đã nhận đủ tiền, đồng thời rút toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất góp vốn, tương đương 50% vốn điều lệ công ty. Vì vậy, bà Đ, ông C không còn tài sản và cổ phần tại C ty Đ. C ty Đ còn phát hiện ra hồ sơ đăng ký thay đổi lần thứ 6 là hồ sơ giả mạo, không có thật, do ông C tự ghi thêm tên bà Đoàn Phan Kim Đ có 05% vốn điều lệ và ghi thêm ông Trần C I có 25% vốn điều lệ nhằm giúp ông I chứng minh khả năng tài chính để con đi du học, các chữ ký trong hồ sơ không phải của ông I.

Hiện tại, C ty Đ đã được cổ đông mới đầu tư thêm vốn và hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Phan Kim Đ và ông Phan Quang C đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của C ty Đ, quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông công ty. C ty Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Phan Kim Đ và ông Phan Quang C về yêu cầu hủy Giấy đăng ký doanh nghiệp các lần thứ 8, 9, 10, 11, 12, 13 của C ty Đ.

2. Ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Ngày 01-01-2012, ông (Q) và ông Phan Quang C ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp 04/01-HĐCN/2012, nội dung ông Phan Quang C chuyển nhượng cho ông 10.500.000 cổ phần, tương đương với 10.500.000.000 đồng, do ông Phan Quang C sở hữu tại C ty Đ. Ông đã thanh toán đủ số tiền mua bán cổ phần cho ông C và đã được ông C làm thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp lần thứ 8, đứng tên của ông cùng với các cổ đông khác.

Ngày 07-3-2014, ông Phan Quang C khởi kiện yêu cầu tuyên Hợp đồng chuyển nhượng trên vô hiệu. Vụ việc được giải quyết bằng Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2015/KDTM-ST ngày 16-4-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 20/2015/KDTM-PT ngày 22-9-2015 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đều quyết định không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Quang C.

Nay, bà Đoàn Phan Kim Đ và ông Phan Quang C khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi tại các lần thứ 8, 9, 10, 11, 12, 13 để khôi phục lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 là không đúng với người đang sở hữu cổ phần hiện tại của C ty Đ, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi ích của ông và các cổ đông khác. Do đó, ông yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

3. Ông Nguyễn An H trình bày:

Ngày 01-01-2012, ông (H) và bà Đoàn Phan Kim Đ ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp 02/01-HĐCN/2012, nội dung bà Đoàn Phan Kim Đ chuyển nhượng cho ông 750.000 cổ phần, tương đương với 7.500.000.000 đồng, do bà Đ sở hữu tại C ty Đ. Tiếp đó, ngày 04-4-2012, ông và ông Phan Quang C ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp 05/01-HĐCN/2012, theo đó ông C chuyển nhượng cho ông 510.000 cổ phần, tương đương 5.100.000.000 đồng, do ông C sở hữu tại C ty Đ. Ông đã thanh toán đủ số tiền mua bán cổ phần cho bà Đ, ông C và được ông C làm thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp lần thứ 8, đứng tên của ông cùng với các cổ đông khác. Đến tháng 3-2014, ông Phan Quang C và bà Đoàn Phan Kim Đ khởi kiện yêu cầu tuyên Hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu, yêu cầu hủy thay đổi kinh doanh đứng tên ông và các cổ đông khác. Vụ việc liên quan đến bà Đ được giải quyết bằng Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2015/KDTM-ST ngày 27-3-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam; còn vụ việc liên quan đến ông C được giải quyết bằng Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2015/KDTM-ST ngày 16-4-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 21/2015/KDTM-PT ngày 22-9-2015 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Các bản án đều quyết định không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Phan Kim Đ và ông Phan Quang C.

Nay, bà Đoàn Phan Kim Đ và ông Phan Quang C yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi tại các lần thứ 8, 9, 10, 11, 12, 13 để khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 7 là không đúng với người đang sở hữu cổ phần hiện tại của C ty Đ, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi ích của ông và các cổ đông khác. Ông yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

4. Ông Đỗ Như Q trình bày:

Ngày 01-01-2012, ông (Q) và bà Đoàn Phan Kim Đ ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp 01/01-HĐCN/2012, theo đó bà Đoàn Phan Kim Đ chuyển nhượng cho ông 750.000 cổ phần tương đương với 7.500.000.000 đồng do bà Đ sở hữu tại C ty Đ. Tiếp đó, ngày 04-4-2012, ông và ông Phan Quang C ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp 04/01-HĐCN/2012, theo đó ông C chuyển nhượng cho ông 240.000 cổ phần, tương đương với 2.400.000.000 đồng do ông C sở hữu tại C ty Đ. Ông đã thanh toán đủ số tiền mua bán cổ phần cho bà Đ, ông C và được ông C làm thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp lần thứ 8, đứng tên của ông cùng với các cổ đông khác. Đến tháng 3-2014, ông Phan Quang C và bà Đoàn Phan Kim Đ khởi kiện yêu cầu tuyên Hợp đồng chuyển nhượng vô hiệu. Vụ việc liên quan đến bà Đ được giải quyết bằng Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2015/KDTM-ST ngày 16-4-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 19/2015/KDTM-PT ngày 21-9-2015 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; còn vụ việc liên quan đến ông C được giải quyết bằng Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2015/KDTM-ST ngày 16-4-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 22/2015/KDTM-PT ngày 22-9-2015 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Các bản án đều quyết định không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Phan Kim Đ và ông Phan Quang C.

Nay, bà Đoàn Phan Kim Đ và ông Phan Quang C yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi tại các lần thứ 8, 9, 10, 11, 12, 13 để khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 7 là không đúng với người đang sở hữu cổ phần hiện tại của C ty Đ, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi ích của ông và các cổ đông khác. Ông yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST ngày 20-01-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:

Căn cứ Điều 3, Điều 32, khoản 1 Điều 115, khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 211 của Luật Doanh nghiệp năm 2014; khoản 7 Điều 14, Điều 58, các khoản 1, 2 Điều 62; khoản 1 Điều 63 và Điều 65 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14-9-2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Phan Kim Đ và ông Phan Quang C đối với Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

Hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 16-01-2014;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 14-3-2014 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 21-3-2018, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp cho C ty Cổ phần Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 24-01-2022, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Q, ông Đỗ Như Q và ông Nguyễn An H kháng cáo.

- Ngày 24-01-2022, C ty Đ kháng cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Q, Đỗ Như Q, Nguyễn An H và C ty Đ kháng cáo bản án. Đơn kháng cáo của các đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện; người khởi kiện đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính:

- Bác kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Q, ông Đỗ Như Q, ông Nguyễn An H và C ty Đ.

- Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của đương sự:

[2.1]. Về tố tụng:

Việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần thứ 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 13 của Phòng ĐKKD, thuộc Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam cho C ty Đ có nội dung “làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân...” là hành vi hành chính, nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Bà Đoàn Phan Kim Đ và ông Phan Quang C cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nên khởi kiện yêu cầu hủy các lần cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi này. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xác định đơn khởi kiện còn trong thời hiệu, nên thụ lý là đúng quy định tại khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên, Tòa án xác định quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” là

không đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Tổ tụng hành chính và định hướng tại Quyết định giám đốc thẩm số 06/2020/HC-GĐT ngày 18-02-2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Quá trình giải quyết vụ án, Phòng ĐKKD, thuộc Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam đã thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 12-01-2012, thay đổi lần thứ 9 ngày 01-02-2012, thay đổi lần thứ 10 ngày 20-4-2012, do đó Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xác định đối tượng khởi kiện không còn, nên chỉ xem xét, giải quyết hành vi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 16-01-2014; thay đổi lần thứ 12 ngày 14-3-2014 và thay đổi lần thứ 13 ngày 21-3-2018 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và có mặt người đại diện. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 158 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2.2]. Về nội dung:

[2.2.1]. Quá trình chuyển nhượng cổ phần:

C ty Đ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp C ty Cổ phần lần đầu ngày 05-6-2006, người đại diện theo pháp luật là ông Phan Quang C. Ngày 10-02-2011, C ty Đ thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp C ty Cổ phần lần thứ 6, nâng vốn điều lệ lên 15.000.000.000 đồng (mười lăm tỷ đồng). Toàn bộ số vốn này thuộc sở hữu cá nhân ông Phan Quang C, nhưng do tên công ty là cổ phần, nên ông Phan Quang C tự ghi tên 02 người sau vào gọi là cổ đông góp vốn: (1) bà **Đoàn Phan Kim Đ** (vợ ông C) đại diện 05% cổ phần = 750.000.000 đồng, (2) ông **Trần C I** đại diện 25% cổ phần = 3.750.000.000 đồng. Lý do ông C cho ông I đứng tên đại diện 25% cổ phần nhằm giúp cho ông I chứng minh khả năng tài chính để đủ điều kiện đưa con đi du học nước ngoài, thực tế ông I không có cổ phần góp vốn. Còn lại ông C đứng tên đại diện 70% cổ phần = 10.500.000.000 đồng.

Ngày 20-4-2011, ông Phan Quang C lập thủ tục xin thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp C ty Cổ phần lần thứ 7, tăng vốn điều lệ lên 3.000.000 cổ phần (tương đương 30 tỷ đồng). Tăng vốn điều lệ bằng cách vợ chồng ông C, bà Đ mỗi người góp thêm 750.000 cổ phần, trị giá 7.500.000.000 đồng/người, bằng hiện vật là 02 lô đất (số 08 và 09) H, quận S, thành phố Đà Nẵng; trên 02 lô đất này ông C, bà Đ xây dựng Khách sạn D City (Khách sạn K). Vì vậy, trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp C ty Cổ phần, thay đổi lần thứ 7 thể hiện vốn góp của ông C vào công ty là 18 tỷ đồng, vốn góp của bà Đ là 8,250 tỷ đồng và vốn góp của ông I là 3,750 tỷ đồng (thực tế số cổ phần đứng tên ông I là của ông C). Như vậy, đến ngày 20-4-2011, C ty Đ thực chất là do vợ chồng ông C, bà Đ sở hữu toàn bộ số cổ phần có tại công ty.

Do C ty Đ gặp khó khăn về tài chính, nên ông Phan Quang C đã thỏa thuận với các ông Nguyễn Văn Q, Đỗ Như Q và Nguyễn An H chuyển nhượng 75% cổ phần của ông C tại công ty, trị giá 15 tỷ đồng, ông C giữ lại 25% là 05 tỷ đồng.

(Đối với 02 lô đất, trên đất là Khách sạn K không chuyển nhượng, được thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 10-01-2012. Thực hiện cam kết tại biên bản làm việc này; ngày **26-8-2013**, ông C và bà Đ đã rút số cổ phần góp bằng giá trị 02 lô đất (1.500.000 cổ phần, trị giá 15 tỷ đồng) mà ông C, bà Đ đã xây dựng Khách sạn K trên 02 lô đất rồi bán cho C ty L với giá 25 tỷ đồng).

Sau khi bên nhận chuyển nhượng (các ông Q, Q và H) giao tiền đặt cọc; ngày **01-01-2012**, ông Phan Quang C lập 04 hợp đồng chuyển nhượng, cụ thể: (1). Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 01/01-HĐCN/2012, nội dung bà Đoàn Phan Kim Đ đồng ý chuyển nhượng ngang giá toàn bộ vốn góp của mình vào công ty là **7.500.000.000** đồng cho ông Đỗ Như Q, (2). Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 02/01-HĐCN/2012, nội dung bà Đoàn Phan Kim Đ đồng ý chuyển nhượng ngang giá toàn bộ vốn góp của mình vào công ty là **750.000.000** đồng cho ông Nguyễn An H, (3). Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 03/01-HĐCN/2012, nội dung ông Trần C I đồng ý chuyển nhượng ngang giá toàn bộ vốn góp của mình vào công ty là **3.750.000.000** đồng cho ông Nguyễn An H và (4). Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 04/01-HĐCN/2012, nội dung ông Phan Quang C đồng ý chuyển nhượng ngang giá toàn bộ vốn góp của mình vào công ty là **10.500.000.000** đồng cho ông Nguyễn Văn Q.

Sau khi các bên ký hợp đồng, ông Phan Quang C ký xác nhận, lập các thủ tục và đến cơ quan đăng ký kinh doanh làm thủ tục đăng ký thay đổi thành viên công ty. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp C ty Cổ phần thay đổi lần thứ 8 ngày 12-01-2012, thì cổ đông C ty Đ gồm ông Phan Quang C sở hữu 750.000 cổ phần (25%), trị giá 7,5 tỷ; ông Đỗ Như Q sở hữu 750.000 cổ phần (25%), trị giá 7,5 tỷ; ông Nguyễn Văn Q sở hữu 1.050.000 cổ phần (35%), trị giá 10,5 tỷ và ông Nguyễn An H sở hữu 450.000 cổ phần (15%), trị giá 4,5 tỷ. Tổng cộng là 3.000.000 cổ phần, trị giá 30 tỷ đồng; thay đổi đăng ký doanh nghiệp C ty Cổ phần lần thứ 9 ngày 01-02-2012, thì người đại diện theo pháp luật C ty Đ là ông Nguyễn Văn Q - Chức vụ: Giám đốc.

Ngày **04-4-2012**, ông Phan Quang C và ông Đỗ Như Q ký (1) Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 04/01-HĐCN/2012, nội dung ông Phan Quang C đồng ý chuyển nhượng ngang giá toàn bộ vốn góp của mình vào công ty là **2,4** tỷ cho ông Đỗ Như Q và (2) Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 05/01-HĐCN/2012, nội dung ông Phan Quang C đồng ý chuyển nhượng ngang giá toàn bộ vốn góp của mình vào công ty là **5,1** tỷ cho ông Nguyễn An H (ông C chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần (25%) **còn lại**). Sau đó, công ty thực hiện thủ tục thay đổi đăng ký đăng ký doanh nghiệp C ty Cổ phần lần thứ 10 ngày 20-4-2012, người đại diện theo pháp luật C ty Đ là ông Nguyễn Văn Q - Chức vụ: Giám đốc.

[2.2.2]. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại:

Sau khi nhận chuyển nhượng, các ông Nguyễn Văn Q, Đỗ Như Q và Nguyễn An H thực hiện thủ tục thay đổi đăng ký đăng ký doanh nghiệp C ty Cổ phần. Cho rằng bản hợp đồng mà C ty Đ nộp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh để thay đổi đăng ký đăng ký doanh nghiệp không phải chữ ký của mình, nên ngày 25-5-2013, bà Đoàn Phan Kim Đ đã khiếu nại đến Phòng ĐKKD, thuộc Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam;

ngày 17-6-2013, Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam có C văn số 381/SKHĐT-TTr đề nghị C an tỉnh Quảng Nam điều tra, xác minh dấu hiệu vi phạm. Căn cứ kết quả điều tra, C an tỉnh Quảng Nam có C văn số 108/CAT-PC46 ngày 30-12-2013 trả lời Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam, với nội dung:

*“Sau khi các Hợp đồng chuyển nhượng được ký, ông Phan Quang C nộp về Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam 04 Hợp đồng chuyển nhượng và các chứng từ thu chi tiền bán cổ phần, trong đó có các bản hợp đồng và chứng từ mang tên bà Đoàn Phan Kim Đ và ông Trần C I, nhưng do ông Phan Quang C ký giả chữ ký của những người này (ông C thừa nhận) để hợp thức cho việc đề nghị thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần thứ 8. Việc bà Đoàn Phan Kim Đ tố cáo giả chữ ký của bà trong Hợp đồng chuyển nhượng và Phiếu chi tiền là có thật, **nhưng không có thiệt hại xảy ra**, C ty Đ (các ông Q, Q và H) không chiếm đoạt tiền của bà Đ, vì **toàn bộ số tiền mua bán cổ phần (22.500.000.000 đồng) 03 cổ đông này đã thanh toán đủ cho ông C và bà Đ - Biên bản xác nhận ngày 19-4-2012, có chữ ký của ông C, bà Đ**; hơn nữa, bà Đoàn Phan Kim Đ không góp đồng vốn nào vào công ty (02 lô đất xây Khách sạn K vẫn thuộc quyền sở hữu của ông C, bà Đ và ông, bà đã chuyển nhượng cho C ty L với giá 25 tỷ đồng ngày 26-8-2013). Như vậy, việc giả chữ ký của bà Đoàn Phan Kim Đ trong các Hợp đồng chuyển nhượng và Phiếu chi tiền là thủ tục hợp thức nhằm phục vụ cho việc thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần thứ 8 và lần thứ 10 của C ty Đ, không có hành vi chiếm đoạt tài sản như đơn tố cáo của bà Đoàn Phan Kim Đ”.*

Căn cứ nội dung trả lời (nêu trên), Phòng ĐKKD thuộc sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam đã ban hành Quyết định số 26/QĐ-ĐKKD ngày 16-01-2014 **hủy** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp C ty Cổ phần thay đổi lần thứ **8, 9 và 10** của C ty Đ, **khôi phục** lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp C ty Cổ phần, thay đổi lần thứ 7 ngày 20-4-2011.

[2.2.3]. Khởi kiện và kết quả giải quyết:

Sau khi Phòng ĐKKD, thuộc sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam khôi phục lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp C ty Cổ phần, thay đổi lần thứ 7 ngày 20-4-2011 của C ty Đ, thì bà Đoàn Phan Kim Đ và ông Phan Quang C khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp vô hiệu.

- Đối với Bà Đoàn Phan Kim Đ:

(1). Ngày 02-4-2014, bà Đoàn Phan Kim Đ khởi kiện yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 01/01-HĐCN/2012 ngày 01-01-2012, giữa bà Đ với ông Đỗ Như Q vô hiệu và yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu, buộc ông Q hoàn trả lại 750.000 cổ phần của bà tại C ty Đ. Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2015/KDTM-ST ngày 27-3-2015, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 01/01-HĐCN/2012 ngày 01-01-2012, giữa bên chuyển nhượng là bà Đoàn Phan Kim Đ với bên nhận chuyển nhượng là ông Đỗ Như Q vô hiệu; không chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Phan Kim Đ về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu buộc ông Đỗ Như Q phải trả lại cho bà Đ 750.000 cổ phần.*

(2). Ngày 02-4-2014, bà Đoàn Phan Kim Đ khởi kiện yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 02/01-HĐCN/2012 ngày 01-01-2012, giữa bà Đ với ông Nguyễn An H vô hiệu và yêu cầu xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu, buộc ông H hoàn trả lại 75.000 cổ phần của bà tại C ty Đ. Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2015/KDTM-ST ngày 27-3-2015, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 02/01-HĐCN/2012 ngày 01-01-2012, giữa bên chuyển nhượng là bà Đoàn Phan Kim Đ với bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn An H vô hiệu (Không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, do bà Đ rút yêu cầu khởi kiện này).*

- Đối với ông Phan Quang C:

(1). Ngày 07-3-2014, ông Phan Quang C khởi kiện yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 04/01-HĐCN/2012 ngày 01-01-2012, giữa ông C với ông Nguyễn Văn Q vô hiệu. Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2015/KDTM-ST ngày 16-4-2015, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Quang C đề nghị tuyên vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 04/01-HĐCN/2012 ngày 01-01-2012, giữa ông Phan Quang C và ông Nguyễn Văn Q; công nhận Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 04/01-HĐCN/2012 ngày 01-01-2012, giữa ông Phan Quang C và ông Nguyễn Văn Q.*

(2). Ngày 07-3-2014, ông Phan Quang C khởi kiện yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 04/01-HĐCN/2012 ngày 04-04-2012, giữa ông C và ông Đỗ Như Q vô hiệu. Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2015/KDTM-ST ngày 16-4-2015, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Quang C đề nghị tuyên vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 04/01-HĐCN/2012 ngày 04-04-2012, giữa ông Phan Quang C và ông Đỗ Như Q; công nhận Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 04/01-HĐCN/2012 ngày 04-04-2012, giữa ông Phan Quang C và ông Đỗ Như Q.*

(3). Ngày 07-3-2014, ông Phan Quang C khởi kiện yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 05/01-HĐCN/2012 ngày 04-04-2012, giữa ông C và ông Nguyễn An H vô hiệu. Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2015/KDTM-ST ngày 16-4-2015, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Quang C đề nghị tuyên vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 05/01-HĐCN/2012 ngày 04-04-2012, giữa ông Phan Quang C với ông Nguyễn An H; công nhận Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 05/01-HĐCN/2012 ngày 04-04-2012, giữa ông Phan Quang C với ông Nguyễn An H.*

Như vậy, giữa bà Đoàn Phan Kim Đ, ông Phan Quang C với các ông Nguyễn Văn Q, Đỗ Như Q và Nguyễn An H ký kết 05 hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp vào C ty Đ (chuyển nhượng 100% cổ phần). Sau khi ký kết hợp đồng, bên chuyển nhượng (ông C, bà Đ) đã nhận đủ tiền chuyển nhượng là 22.500.000.000 đồng (Biên bản xác nhận ngày 19-4-2012). Tuy nhiên, sau đó ông C, bà Đ khởi kiện yêu cầu hủy cả 05 hợp đồng này với lý do các hợp đồng có sự lừa dối, ép buộc và bên nhận

chuyển nhượng chưa thanh toán đủ tiền. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã giải quyết các yêu cầu khởi kiện của ông C, bà Đ bằng 05 bản án kinh doanh thương mại; trong đó, 03 bản án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, xác định 03 hợp đồng do ông C ký có hiệu lực pháp luật và 02 bản án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ, tuyên vô hiệu 02 hợp đồng, nhưng đều xác định bà Đ không có cổ phần trong C ty Đ.

[2.2.4]. Tính hợp pháp của việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp:

Sau khi tăng vốn điều lệ C ty Đ lên 30 tỷ đồng, thì trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp C ty Cổ phần, thay đổi lần thứ 7 thể hiện vốn góp vào C ty Đ của ông Phan Quang C là **18** tỷ đồng, vốn góp của bà Đoàn Phan Kim Đ là **8,250** tỷ đồng và vốn góp của ông **Trần C I** là **3,750** tỷ đồng (thực tế số cổ phần đứng tên ông I là của ông C). Sau đó, ông Phan Quang C đã chuyển nhượng lại cho các ông Nguyễn Văn Q, Đỗ Như Q và Nguyễn An H 75% cổ phần của ông C tại công ty, nên vốn góp vào công ty của ông **Phan Quang C** chỉ còn 25% là **5** tỷ đồng và công ty tiến hành thủ tục đăng ký doanh nghiệp C ty Cổ phần, thay đổi lần thứ 8 ngày 12-01-2012.

Như vậy, Phòng ĐKKD thuộc Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam chứng nhận việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp C ty Cổ phần lần thứ 8 ngày 12-01-2012 của C ty Đ **chỉ là thay đổi tỷ lệ vốn góp** của cổ đông sáng lập là ông Phan Quang C xuống còn 25% và hồ sơ đăng ký thay đổi được thực hiện đúng quy định tại Điều 40 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15-4-2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; đồng thời, theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15-4-2010 của Chính phủ, thì Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của doanh nghiệp xảy ra trước và sau khi đăng ký doanh nghiệp. Người thành lập doanh nghiệp tự kê khai hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Do đó, lần chứng nhận thay đổi doanh nghiệp này của Phòng ĐKKD là đúng pháp luật.

Tuy nhiên, do ông Phan Quang C, bà Đoàn Phan Kim Đ cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp C ty Cổ phần, thay đổi lần thứ 8, 9 và 10 là có giả mạo hồ sơ, nên Phòng ĐKKD đã có văn bản gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra C an tỉnh Quảng Nam để xác minh và C an tỉnh Quảng Nam đã trả lời kết quả xác minh tại C văn số 108/CAT-PC46 ngày 30-12-2013. Căn cứ kết luận tại công văn này, Phòng ĐKKD đã ban hành Thông báo số 09/TB-ĐKKD ngày 06-01-2014 về vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp phải thu hồi và ngày 16-01-2014, Phòng ĐKKD đã ban hành Quyết định số 26/QĐ-ĐKKD hủy bỏ các lần thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 8, 9 và 10 của C ty Đ và khôi phục lại giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp C ty Cổ phần lần thứ 7. Như vậy, bà Đoàn Phan Kim Đ, ông Phan Quang C khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp C ty Cổ phần, thay đổi lần thứ 8 ngày 12-01-2012; thay đổi lần thứ 9 ngày 01-02-2012; thay đổi lần thứ 10 ngày 20-4-2012 cấp cho C ty Đ là không có cơ sở,

vì 03 lần (8, 9 và 10) đã bị Phòng ĐKKD hủy bỏ, đối tượng khởi kiện không còn, do đó Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam không xem xét là có căn cứ.

Sau khi nhận lại hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của C ty Đ, Phòng ĐKKD đã kiểm tra tính hợp pháp của hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp C ty Cổ phần thay đổi lần thứ 11 ngày 16-01-2014 cho C ty Đ và sau đó cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp C ty Cổ phần, thay đổi lần thứ 12 ngày 14-3-2014 và thay đổi lần thứ 13 ngày 21-3-2018 cho C ty Đ. Mặc dù, các lần cấp Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi này có sai sót về thủ tục hành chính (do lỗi của ông Phan Quang C), nhưng khi cấp Giấy chứng nhận các lần đăng ký thay đổi, Phòng ĐKKD cũng đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 23, 27 và 31 của Luật Doanh nghiệp năm 2014; đồng thời, việc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thay đổi này **không gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp** của ông Phan Quang C, bà Đoàn Phan Kim Đ, vì thực tế ông C không còn cổ phần tại C ty Đ kể từ ngày **04-4-2012** (ký Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 04/01-HĐCN/2012 và Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 05/01-HĐCN/2012, cùng ngày 04-4-2012, bán nốt **25% cổ phần còn lại** tại công ty cho ông Đỗ Như Q và ông Nguyễn An H); còn bà Đoàn Phan Kim Đ không còn cổ phần tại C ty Đ kể từ ngày **26-8-2013** (bà Đ đã rút số cổ phần góp bằng giá trị 02 lô đất xây dựng Khách sạn K là 1.500.000 cổ phần, tương đương 15 tỷ đồng rồi cùng ông C bán cho C ty L).

Như vậy, kể từ ngày **04-4-2012** (sau khi ông Phan Quang C bán nốt **25% cổ phần còn lại** và ngày **26-8-2013**, bà Đoàn Phan Kim Đ đã rút số cổ phần góp bằng giá trị 02 lô đất xây dựng Khách sạn K là 1.500.000 cổ phần), thì C ty Đ do các ông Nguyễn Văn Q, Đỗ Như Q và Nguyễn An H tiếp quản lại, ông Phan Quang C và bà Đoàn Thị Kim Đ không còn là cổ đông công ty, điều này được thể hiện tại các biên bản họp Hội đồng quản trị C ty Đ (từ năm 2013 đến nay) quyết định về các phương hướng hoạt động của công ty không có tên ông C và bà Đ. Ngoài ra, kể từ khi nhận chuyển nhượng 100% cổ phần của C ty Đ đến nay đã 10 năm, các cổ đông (các ông Q, Q và H) liên tục bổ sung vốn để nâng cấp dây chuyền sản xuất, đầu tư các hệ thống máy móc công nghệ cao nhằm gia tăng sản phẩm, bổ sung vốn để trả lãi vay Ngân hàng, trả lương và đóng bảo hiểm cho người lao động (thể hiện tại các Biên bản họp Hội đồng cổ đông, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông công ty, Báo cáo tài chính hàng năm, danh sách cán bộ nhân viên công ty đóng bảo hiểm xã hội từ năm 2012 đến nay). Kể cả từ khi có quyết định kháng nghị giám đốc thẩm (năm 2019) và Quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (năm 2020) cho đến nay, C ty Đ vẫn hoạt động có hiệu quả, tạo ra nhiều sản phẩm và tạo ra nhiều việc làm cho nhân dân trong khu vực (hơn 200 công nhân), góp phần phát triển kinh tế địa phương tại nơi công ty có trụ sở và Nhà máy sản xuất.

Để ổn định hoạt động của C ty Đ, tránh việc khiếu kiện kéo dài về việc xác định cổ phần đã nhận chuyển nhượng và tài sản đã đầu tư vào công ty kể từ khi nhận chuyển nhượng cổ phần của các ông Nguyễn Văn Q, Đỗ Như Q và Nguyễn An H; đồng thời, để cho C ty Đ tiếp tục hoạt động, tạo thêm việc làm cho nhân dân trong khu vực, góp phần phát triển kinh tế của địa phương, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các ông Nguyễn Văn Q, Đỗ Như Q, Nguyễn An H và kháng cáo

của C ty Đ, giữ nguyên giá trị pháp lý của các lần cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp C ty Cổ phần thay đổi lần thứ 11, lần thứ 12 và lần thứ 13, do Phòng ĐKKD, thuộc Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Nam đã cấp cho C ty Đ.

Như vậy, kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q, ông Đỗ Như Q, ông Nguyễn An H và kháng cáo của C ty Đ đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí:

Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên bà Đoàn Phan Kim Đ và ông Phan Quang C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do kháng cáo được chấp nhận, nên các ông Nguyễn Văn Q, Đỗ Như Q, Nguyễn An H và C ty Đ không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

- Chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông Nguyễn Văn Q, Đỗ Như Q, Nguyễn An H và C ty Cổ phần Đ.

- Sửa bản Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST ngày 20-01-2022 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; các Điều 5, 31 và 32 của Luật Doanh nghiệp năm 2014, xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Phan Kim Đ và ông Phan Quang C yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 16-01-2014; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 14-3-2014 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 21-3-2018, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp cho C ty Cổ phần Đ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 348, khoản 2 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 và khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Phan Quang C và bà Đoàn Phan Kim Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

4.2. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Các ông Nguyễn Văn Q, Đỗ Như Q, Nguyễn An H và C ty Cổ phần Đ và không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; trả lại cho các đương sự 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm, theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000091, số 0000092, số 0000093 và số 0000094 cùng ngày 22-02-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở KH và ĐT tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường